

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Bà Huỳnh Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa- Ông Lâm Sễn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Đinh Văn Đ, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp TĐ, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Đ có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp TĐ, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị T vắng mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30-10-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đinh Văn Đ trình bày:*

Vào năm 1992 anh và chị Nguyễn Thị Lệ T cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và Đ ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27-3-2006.

Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2014 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, làm ảnh hưởng đến cuộc sống hôn

nhân không còn hạnh phúc nữa. Mặc dù chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành mà mâu thuẫn vợ chồng ngày trầm trọng hơn. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có chung với nhau 02 người con tên Đinh Văn M sinh ngày 19-4-1993 và Đinh Thị Kim X, sinh ngày 19-4-1994, hiện các con đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Đinh Văn Đ yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Lệ T.

Về con chung: Anh Đ xác nhận các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Lệ T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T đều không có mặt.

Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương như sau: Anh Đ và chị T kết hôn với nhau và có Đ ký hộ khẩu thường trú tại ấp TĐ, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian chung sống thì anh Đ và chị T thường hay xảy ra cự cãi. Đến năm 2018 vợ chồng anh Đ đã sống ly thân cho đến nay.

Tại phiên tòa anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị T. Chị T vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với nguyên đơn là anh Đ: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là chị T: Đã được Tòa án triệu tập họp lệ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều không có mặt; tại phiên tòa, chị T tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của anh Đ.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Đinh Văn Đ khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị Lệ T có hộ khẩu thường trú ấp TĐ, xã G, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã triệu tập hợp lệ chị T đến phiên tòa lần thứ hai nhưng chị T vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Đ và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có Đ ký kết hôn năm 2006 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Trang nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, chị T sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Thực tế vợ chồng anh đã sống trong tình trạng ly thân, không ai quan tâm đến ai và vấn đề này cũng được được chính quyền địa phương xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án, chị T không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện chị không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Đ, chị T đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ, xử cho anh Đ được ly hôn chị T.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Đ xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Đinh Văn M, sinh ngày 19-4-1993 và Đinh Thị Kim X, sinh ngày 19-4-1994, hiện các con đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh Đ cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Đinh Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Lệ T.
2. Về con chung: Anh Đinh Văn Đ xác nhận con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung: Anh Đinh Văn Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về nợ chung: Anh Đinh Văn Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Anh Đinh Văn Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0005159 ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; Anh Đ không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Anh Đ có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

